TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2018/HNGĐ-ST
Ngày 11 tháng 01 năm 2018
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lê Thị Kim Em;
2/ Bà Tống Thị Kim Điền.

***Thư ký phiên tòa*:** ông Đào Tấn Sang – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* bà Võ Thị Ngọc Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 524/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 304/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà LTP, sinh năm 1987 (yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bị đơn: Ông THN, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: ngõ D, đường G, quận E, Hà Nội.

Tạm trú: căn hộ chung cư F, đường I, phường K, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/8/2017, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà LTP nguyên đơn trình bày:

Bà và ông N tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 101/2012, quyển số 01/2012 ngày 05/5/2012 do Ủy ban nhân dân Phường P, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh cấp).

Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên nguyện vọng của bà là:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông N.

- Về con chung: bà xác định có 01 con chung:

TLM (nam), sinh ngày 20/10/2012

Sau khi ly hôn bà là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ TLM. Yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 8.000.000 đồng.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

-Về nợ chung: bà xác nhận không có.

Tòa án đã nhiều lần thực hiện tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông N không trình bày ý kiến.

* Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Tòa án thực hiện đúng về thời hạn chuẩn bị xét xử. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành theo quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Bị đơn ông THN, sinh năm 1986 có đăng ký tạm trú và hiện cư trú tại căn hộ chung cư F, đường I, phường K, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho ông THN. Tuy nhiên, ông N không đến Tòa án, không trình bày ý kiến, Tòa án không tiến hành hoà giải được, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông N theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà LTP có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt bà P theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Bà P và ông N tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 101/2012, quyển số 01/2012 ngày 05/5/2012 do Ủy ban nhân dân Phường P, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh cấp) nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, vì vậy được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[1]- Về quan hệ hôn nhân:

Tại bản khai ngày 05/9/2017 nguyên đơn trình bày: bà và ông N chung sống hạnh phúc được ba năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, văn hóa, lối sống. Đỉnh điểm đến tháng 4/2015 thì vợ chồng mâu thuẫn gay gắt không thể hòa giải, ảnh hưởng đến cuộc sống chung cũng như quá trình nuôi dạy con. Vợ chồng ly thân từ tháng 9 năm 2015 đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, nguyện vọng của bà là được ly hôn.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông N không đến, không có văn bản trình bày ý kiến của mình nên phải gánh chịu hậu quả của việc không tuân thủ nghĩa vụ có mặt theo quy định của pháp luật.

Theo Phiếu yêu cầu xác minh số 263/2017/PYCXM ngày 07/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận 7, Hội liên hiệp Phụ nữ phường K, Quận 7 trả lời kết quả như sau: "Hiện tại ông THN và bà LTP đã không còn sống chung một nhà tại địa chỉ căn hộ chung cư F, đường I, phường K, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Đã ly thân từ năm 2015, bà LTP về sống tại nhà mẹ ruột quận C. Hai vợ chồng không có cãi vả hay gây mất trật tự tại địa phương (và thuận tình ly hôn theo lời khai của ông THN)";

Hội đồng xét xử xét thấy trong quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông N do bất đồng quan điểm nên vợ chồng mâu thuẫn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bà P có nguyện vọng ly hôn, xét thấy yêu cầu của bà P là tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]- Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh số 625/2012, quyển số 4/2012 do Ủy ban nhân dân Phường P, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/11/2012 đã có đủ cơ sở để xác định bà P và ông N có 01 con chung là: TLM (nam), sinh ngày 20/10/2012.

Sau khi ly hôn bà P yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng trẻ TLM. Yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 8.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy trẻ TLM mới tròn 5 tuổi cần phải có sự trông nom, chăm sóc trực tiếp thường xuyên của mẹ, thực tế hiện bà P có công việc ổn định, đang trực tiếp nuôi dưỡng trẻ M. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của trẻ M theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử giao trẻ TLM cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà P yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con 8.000.000 đồng/tháng. Tại bản khai ngày 28/11/2017 bà P xác nhận hàng tháng ông N vẫn cấp dưỡng nuôi con từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng/tháng, ông N không đến tòa trình bày ý kiến. Căn cứ khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình thì ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà P về việc ông N phải cấp dưỡng nuôi con 8.000.000 đồng/tháng.

Thi hành vào ngày 01 (một) dương lịch hàng tháng, bắt đầu từ ngày 01/02/2018 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ông N được quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở ông N thực hiện quyền và nghĩa vụ này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp ông N chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng thì ông N phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ Luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

[3]- Tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Bà P xác nhận không có.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp hôn nhân và gia đình là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Bởi những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227 Bộ Luật Tố Tụng dân sự;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84, 59 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ quy định tại Luật phí và lệ phí;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân:

Cho ly hôn giữa bà LTP và ông THN (Giấy chứng nhận kết hôn số 101/2012, quyển số 01/2012 ngày 05/5/2012 do Ủy ban nhân dân Phường P, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh cấp).

2/ Về con chung: ông N, bà P có 01 con chung tên TLM (nam), sinh ngày 20/10/2012.

Giao con chung TLM cho bà LTP trực tiếp nuôi dưỡng. Ông THN cấp dưỡng nuôi con 8.000.000 đồng/tháng (Tám triệu đồng/tháng).

Thi hành vào ngày 01 (một) dương lịch hàng tháng, bắt đầu từ ngày 01/02/2018 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ông N được quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở ông N thực hiện quyền và nghĩa vụ này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp ông N chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng thì ông N phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ Luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3/ Tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: bà LTP phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp hôn nhân và gia đình là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0024251 ngày 11/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Vậy bà LTP đã nộp đủ án phí.

Ông THN chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

5/ Bà LTP, ông THN vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TpHCM ;
- Viện kiểm sát nhân dân Q7;
- Chi cục THA Dân sự Q7;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Mỗi đương sự
- Lưu, hồ sơ.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Bích Thảo